TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
VIỆT NAM
VIỄN THÔNG THANH HÓA
Số: 3899 /TB-VNPT-THA-KTKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 28 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP, ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 3014/QĐ-VNPT-THA-KTKH, ngày 22/10/2024 của Giám đốc Viễn thông Thanh Hóa V/v phê duyệt giá khởi điểm 04 xe ô tô của Viễn thông Thanh Hóa (Theo QĐ số 2632/QĐ-VNPT-THA-KTKH, ngày 24/9/2024),

Viễn thông Thanh Hóa thông báo lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện bán đấu giá 04 xe ô tô đã qua sử dụng tại Viễn thông Thanh Hóa, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá

- Tên đơn vị: Viễn thông Thanh Hóa

- Địa chỉ: Số 26A, đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Thông tin về tài sản đấu giá:

2.1. Tên tài sản: Xe ô tô các loại.

2.2. Số lượng: 04 cái.

2.3. Chất lượng của tài sản: Đã qua sử dụng.

2.4. Chi tiết tài sản và giá khởi điểm bán đấu giá cả lô gồm 04 xe ô tô như sau:

Số TT	Tên tài sản	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Giá khởi điểm
1	Xe ôtô tải nhẹ ISUZU 4 tấn BKS 36M 4614 - Số máy: 565523; Số khung: R66P77103401	1	2008	56.000.000
2	Xe ôtô tải nhẹ ISUZU 4 tấn BKS 36M 4687- Số máy: 564376; Số khung: R66P77103341	1	2008	55.000.000
3	Xe ôtô Ford Ranger BKS 36L 7121 - Số máy: WLAT400482; Số khung: RRD3T02064	1	2003	87.000.000
4	Xe ô tô Mitsubishi BKS 36L 3748 (7 ghế) – Số máy: 4706; Số khung: 1000010	1	1998	99.000.000
	Tổng cộng	**4**		**297.000.000**

Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng (đã bao gồm thuế GTGT).

2.5. Các chi phí vận chuyển từ nơi bảo quản về địa chỉ của khách hàng, chi phí sang tên chuyển chủ sở hữu, chi phí bấm biển số và các chi phí liên quan khác thuộc trách nhiệm của khách hàng trúng đấu giá.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

- Mọi Tổ chức đấu giá tài sản phải có đầy đủ các tiêu chí theo quy định tại khoản 4, điều 56 Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

- Công tác lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản;

- Nội dung chi tiết tiêu chí đánh giá, chấm điểm tại ***Phụ lục số 01 kèm theo.***

- Trường hợp có từ 2 đơn vị trở lên có điểm chấm cao nhất bằng nhau thì xét tiêu chí ưu tiên như sau:

+ Ưu tiên số 1: Tổ chức đấu giá có giá thù lao dịch vụ đấu giá (gồm cả chi phí đấu giá) thấp hơn.

+ Ưu tiên số 2: Trong năm 2023, Tổ chức đấu giá đã đấu giá thành công các cuộc đấu tài sản của các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính – Viễn thông Việt Nam bằng hình thức đấu giá trực tuyến (đơn vị có nhiều cuộc đấu giá hơn).

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký: Tổ chức đấu giá nộp hồ sơ trực tiếp (trong giờ hành chính) hoặc qua đường Bưu chính (tính theo dấu Bưu điện) trong thời hạn từ ngày đăng thông báo đến 17 giờ ngày .01. /11/2024.

Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Kế toán – Kế hoạch, Viễn thông Thanh Hóa

Địa chỉ: Số 26A Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa

Người nhận hồ sơ: Ông Lê Văn Mạnh, điện thoại: 0913269369

Các lưu ý:

*- Hồ sơ đăng ký tham gia của Tổ chức đấu giá phải được đóng thành quyển hồ sơ. Các **"Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dụng lựa chọn"** phải đầy đủ để chấm điểm, hồ sơ thiếu sẽ không được chấm điểm tương ứng và không được bổ sung, làm rõ hồ sơ.*

- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu của Công ty và bản chụp thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu để lưu hồ sơ (mang bản gốc đi để đối chiếu).

- Các đơn vị không được lựa chọn sẽ không hoàn trả lại hồ sơ.

Viễn thông Thanh Hóa thông báo để các Công ty đấu giá tài sản biết và đăng ký tham gia.

Trân trọng thông báo ./.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Cổng TTĐT Quốc gia về ĐGTS;
- Cổng TTĐT của VNPT Thanh Hóa;
- VNPT-eOffice: 561461 -VBĐT.

M.S.C.N: 2800242097 - C.T.N.H.H - VIỄN THÔNG THANH HÓA - TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM - TP. THANH HÓA T. THANH HÓA

Lê Minh Ánh

PHỤ LỤC SỐ 01

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông báo số 3899/TB-VNPT-THA-KTKH, ngày 28 /10/2024 của VNPT Thanh Hóa)

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dung lựa chọn
I	**Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá**	**23.0**	
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	**11.0**	
1.1	*Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)*	*6.0*	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
1.2	*Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện*	*5.0*	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	**8.0**	
2.1	*Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá*	*4.0*	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
2.2	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá*	*4.0*	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2.0	Nêu cụ thể địa chỉ trang web
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1.0	Hồ sơ chứng minh
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1.0	Nêu cụ thể trong hồ sơ và có ảnh chụp
II	**Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả** *(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)*	**22.0**	
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4.0	
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4.0	
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4.0	
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4.0	
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3.0	
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3.0	

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dung lựa chọn
III	**Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản**	**45.0**	
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	6.0	Bảng kê hợp đồng
1.1	*Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)*	*2.0*	
1.2	*Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng*	*3.0*	
1.3	*Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng*	*4.0*	
1.4	*Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng*	*5.0*	
1.5	*Từ 30 hợp đồng trở lên*	*6.0*	
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành công các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng).	18.0	Bảng kê hợp đồng
2.1	*Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)*	*10.0*	
2.2	*Từ 20% đến dưới 40%*	*12.0*	
2.3	*Từ 40% đến dưới 70%*	*14.0*	
2.4	*Từ 70% đến dưới 100%*	*16.0*	
2.5	*Từ 100% trở lên*	*18.0*	
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực).	**5.0**	Bản chụp Quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký hoạt động
3.1	*Dưới 03 năm*	*3.0*	
3.2	*Từ 03 năm đến dưới 05 năm*	*4.0*	
3.3	*Từ 05 năm trở lên*	*5.0*	

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dung lựa chọn
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản.	**3.0**	Mỗi đấu giá viên của đơn vị phải có bản công chứng hoặc chứng thực chứng chỉ hành nghề đấu giá viên. Số lượng đấu giá viên căn cứ vào hồ sơ đấu giá viên hành nghề tại đơn vị, đồng thời đối chiếu với số lượng đấu giá viên được Bộ Tư pháp thông báo trong danh sách các tổ chức đấu giá của bản thông báo gần nhất để đánh giá.
4.1	*01 đấu giá viên*	*1.0*	
4.2	*Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên*	*2.0*	
4.3	*Từ 05 đấu giá viên trở lên*	*3.0*	
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo các quy định của Pháp luật hoặc theo Luật Đấu giá tài sản).	**4.0**	
5.1	*Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*2.0*	
5.2	*Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*3.0*	
5.3	*Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên*	*4.0*	
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề (Năm 2023), trừ thuế giá trị gia tăng.	5.0	Bản sao: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp Cơ quan thuế (Mẫu số 03/TNDN) và Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước có xác nhận của các cơ quan liên quan.
6.1	*Dưới 50 triệu đồng*	*2.0*	
6.2	*Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng*	*3.0*	
6.3	*Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng*	*4.0*	
6.4	*Từ 200 triệu đồng trở lên*	*5.0*	
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động	3.0	Bản chụp Hợp đồng lao động
7.1	*Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)*	*2.0*	
7.2	*Từ 03 nhân viên trở lên*	*3.0*	
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1.0	Bản chụp: Thông báo nhận tập sự hành nghề đấu giá của đơn vị gửi Sở Tư pháp hoặc hồ sơ chứng minh khác hợp lệ

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TỐI ĐA	Yêu cầu hồ sơ chứng minh đáp ứng nội dung lựa chọn
IV	**Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.**	**5.0**	
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3.0	
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4.0	
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5.0	
V	**Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định**	**5.0**	
1	Trong năm 2023, Đơn vị có từ 1 đến 9 cuộc đấu giá tài sản là xe ô tô các loại bằng hình thức đấu giá trực tuyến	1.0	
2	Trong năm 2023, Đơn vị có từ 10 đến 19 cuộc đấu giá tài sản là xe ô tô các loại bằng hình thức đấu giá trực tuyến	3.0	
3	Trong năm 2023, Đơn vị có từ 20 cuộc đấu giá tài sản là xe ô tô các loại bằng hình thức đấu giá trực tuyến	5.0	
Tổng số điểm		**100**	
VI	**Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố**		
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	

Ghi chú: Tổ chức đấu giá nộp kèm hồ sơ dự thầu Bảng tự chấm điểm theo các tiêu chí nêu trên để làm cơ sở đánh giá.